

Bản án số: **117/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 07/11/2019
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

2. Bà Phan Hoàng Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 499/2019/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bé N, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp ĐK, xã QT, huyện P, tỉnh G.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1989

Địa chỉ: khóm TT, phường MT, thành phố X, tỉnh G (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bé N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành S kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện P, tỉnh G vào ngày 29/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, đời sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không đạt mục đích. Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành S

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Nguyễn Trần Huỳnh T, sinh ngày 20/4/2011 và Nguyễn Trần Khải M, sinh ngày 16/01/2018, hiện đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Phần trình bày của bị đơn anh Nguyễn Thành S tại phiên tòa thể hiện nội dung:* Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Trần Thị Bé N về quan hệ hôn nhân do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện P, tỉnh G vào ngày 29/10/2010, về con chung có 02 con tên Nguyễn Trần Huỳnh T, sinh ngày 20/4/2011 và Nguyễn Trần Khải M, sinh ngày 16/01/2018, về tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ cự cãi nhỏ không đến mức vợ chồng phải ly hôn, về tình cảm đối với chị N anh vẫn còn thương vợ con không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu hòa giải hàn gắn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau lo cho các con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bé N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Nguyễn Thành S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bé N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Trần Thị Bé N khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thành S đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa, chị Trần Thị Bé N có ý kiến trình bày chị và anh Nguyễn Thành S tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện P, tỉnh G cấp giấy kết hôn vào ngày 29/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, anh S thường bỏ nhà đi khi vợ chồng cự cãi. Anh Nguyễn Thành S có ý kiến anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Bé N vì giữa vợ chồng chỉ cự cãi nhỏ, anh vẫn còn thương vợ con nên yêu cầu được hòa giải, hàn gắn đoàn tụ cùng với chị N.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa chị N xác định chị vẫn còn tình cảm với anh S, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn, xét nguyên nhân và lý do chị N đưa ra để xin ly hôn với anh S không phải là

nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không phải là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bé N để chị N và anh S hàn gắn, hòa giải đoàn tụ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung, về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bé N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các mối quan hệ về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé N đối với anh Nguyễn Thành S

1. *Về hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Trần Thị Bé N với anh Nguyễn Thành S

2. *Về nuôi con chung, về quan hệ tài sản chung và về nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Trần Thị Bé N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004970 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 29/7/2019. Chị Trần Thị Bé N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị Bé N và anh Nguyễn Thành S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.G;
- UBND xã QT, huyện P, tỉnh G;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy

